



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 08624/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.3267.KK1
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ SINH HỌC
SÀI GÒN XANH**

Ngày lấy mẫu : 10/09/2025

Địa chỉ : Nhà máy Xử lý bùn thải Sài Gòn Xanh - Khu liên hiệp xử lý
chất thải rắn và nghĩa trang Đa Phước, xã Hưng Long,
Thành phố Hồ Chí Minh

Loại mẫu : Không khí
xung quanh

Vị trí lấy mẫu : **25.3267.KK1**: "Khu vực lưu chứa duy tu và trạm XLNT
(khu vực hồ B6). Tọa độ: X:1180768.39; Y: 599416.172 "

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 05:2023/BTNMT
				25.3267.KK1	Giới hạn
1	CO ^(b)	µg/Nm ³	SOP-KK09/LAET	7.185	30.000 ⁽¹⁾
2	SO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	71	350 ⁽¹⁾
3	NO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	78	200 ⁽¹⁾
4	NH ₃ ^(b)	µg/Nm ³	MASA 401	38,1	200 ⁽¹⁾
5	H ₂ S ^(b)	µg/Nm ³	MASA 701	KPH (LOD=9,5)	42 ⁽¹⁾
6	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(b)	µg/Nm ³	US EPA IO-2.1	159	300 ⁽¹⁾

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí
- (1): Giới hạn trung bình 1 giờ
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 09 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiên



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 08625/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.3267.KK2
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ SINH HỌC
SÀI GÒN XANH**

Ngày lấy mẫu : 10/09/2025

Địa chỉ : Nhà máy Xử lý bùn thải Sài Gòn Xanh - Khu liên hiệp xử lý
chất thải rắn và nghĩa trang Đa Phước, xã Hưng Long,
Thành phố Hồ Chí Minh

Loại mẫu : Không khí
xung quanh

Vị trí lấy mẫu : **25.3267.KK2**: "Khu vực nhà văn phòng
Tọa độ: X: 180863.9; Y:599821.225"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 05:2023/BTNMT
				25.3267.KK2	Giới hạn
1	CO ^(b)	µg/Nm ³	SOP-KK09/LAET	6.223	30.000 ⁽¹⁾
2	SO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	58	350 ⁽¹⁾
3	NO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	62	200 ⁽¹⁾
4	NH ₃ ^(b)	µg/Nm ³	MASA 401	KPH (LOD=30)	200 ⁽¹⁾
5	H ₂ S ^(b)	µg/Nm ³	MASA 701	KPH (LOD=9,5)	42 ⁽¹⁾
6	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(b)	µg/Nm ³	US EPA IO-2.1	124	300 ⁽¹⁾

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí
- (1): Giới hạn trung bình 1 giờ
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 09 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

KS. Trần Thị Phương Linh

Trưởng phòng PTN

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiên



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 08626/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.3267.KK3
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ SINH HỌC SÀI GÒN XANH**

Ngày lấy mẫu : 10/09/2025

Địa chỉ : Nhà máy Xử lý bùn thải Sài Gòn Xanh - Khu liên hiệp xử lý chất thải rắn và nghĩa trang Đa Phước, xã Hưng Long, Thành phố Hồ Chí Minh

Loại mẫu : Không khí xung quanh

Vị trí lấy mẫu : **25.3267.KK3**: "Khu vực chứa bùn kênh rạch
Tọa độ: X:1180654.71; Y:599871.290"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 05:2023/BTNMT
				25.3267.KK3	Giới hạn
1	CO ^(b)	µg/Nm ³	SOP-KK09/LAET	7.242	30.000 ⁽¹⁾
2	SO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	60	350 ⁽¹⁾
3	NO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	71	200 ⁽¹⁾
4	NH ₃ ^(b)	µg/Nm ³	MASA 401	33,2	200 ⁽¹⁾
5	H ₂ S ^(b)	µg/Nm ³	MASA 701	KPH (LOD=9,5)	42 ⁽¹⁾
6	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(b)	µg/Nm ³	US EPA IO-2.1	161	300 ⁽¹⁾

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí
- (1): Giới hạn trung bình 1 giờ
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 09 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiên



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 08627/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.3267.NT1
----------------------------------	---	------------------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ SINH HỌC SÀI GÒN XANH**

Ngày lấy mẫu : 10/09/2025

Địa chỉ : Nhà máy Xử lý bùn thải Sài Gòn Xanh - Khu liên hiệp xử lý chất thải rắn và nghĩa trang Đa Phước, xã Hưng Long, Thành phố Hồ Chí Minh

Loại mẫu : Nước thải

Vị trí lấy mẫu : **25.3267.NT1**: "Nước thải sau hệ thống xử lý
Tọa độ: X:1180864 Y:599367"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT
				25.3267.NT1	Cmax
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	SMEWW 2550B:2023	31,6	40
2	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	6,98	5,5 ÷ 9
3	Độ màu ^(b)	Pt/Co	SMEWW 2120C:2023	KPH (LOD=5)	150
4	BOD ₅ (20°C) ^(b)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	9	33
5	Nhu cầu oxi hóa học (COD) ^(b)	mg/L	SMEWW 5220B:2023	33	99
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(b)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	5	66
7	Clo dư ^(b)	mg/L	TCVN 6225-2:2021	KPH (LOD=0,03)	1,32
8	Clorua (Cl ⁻) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-Cl ⁻ .B:2023	204,9	660
9	Xyanua (CN ⁻) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-CN ⁻ .C&E:2023	KPH (LOD=0,002)	0,066
10	Florua (F ⁻) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-F ⁻ .B&D:2023	0,71	6,6
11	Sunfua (S ²⁻) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	KPH (LOD=0,02)	0,33
12	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&C:2023	KPH (LOD=0,5)	6,6
13	Tổng Nito ^(b)	mg/L	TCVN 6638:2000	15,8	26,4
14	Tổng Photpho ^(b)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,02	3,96
15	Asen (As) ^(b)	mg/L	SMEWW 3114B:2023	KPH (LOD=0,002)	0,066
16	Cadimi (Cd) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,0002)	0,066
17	Crom VI (Cr ⁶⁺) ^(b)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	KPH (LOD=0,003)	0,066
18	Crom III (Cr ³⁺) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023 SMEWW 3500-Cr.B:2023	KPH (LOD=0,003)	0,66
19	Đồng (Cu) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (LOD=0,03)	1,32





VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đồng Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT
				25.3267.NT1	Cmax
20	Thủy ngân (Hg) ^(b)	mg/L	SMEWW 3112B:2023	KPH (LOD=0,0003)	0,0066
21	Sắt (Fe) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,429	3,3
22	Mangan (Mn) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,035	0,66
23	Niken (Ni) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (LOD=0,03)	0,33
24	Chì (Pb) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,002)	0,33
25	Kẽm (Zn) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (LOD=0,03)	1,98
26	Tổng dầu, mỡ khoáng ^(b)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	KPH (LOD=1)	6,6
27	Tổng phenol ^(b)	mg/L	TCVN 6216:1996	KPH (LOD=0,003)	0,33
28	Coliform ^(b)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	KPH (LOD=2)	5.000
29	Hóa chất BVTV Phospho hữu cơ ^(b)	mg/L	US EPA 3510C US EPA 3620C US EPA 8270E	KPH (LOD=0,00015)	0,66
30	Hóa chất BVTV Clo hữu cơ ^(b)	mg/L	US EPA 3510C US EPA 3620C US EPA 8270E	KPH (LOD=0,00002)	0,066
31	Polyclobiphenyl (PCB) ^(b)	mg/L	US EPA 3510C US EPA 3630C US EPA 3665A US EPA 8270E	KPH (LOD=0,0001)	0,0066
32	Tổng hoạt độ phóng xạ α ^(b)	Bq/L	TCVN 6053:2011	KPH (LOD=0,01)	0,1
33	Tổng hoạt độ phóng xạ β ^(b)	Bq/L	TCVN 6219:2011	KPH (LOD=0,3)	1

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp
- Cmax: Cột B, K_q = 0,6 và K_f = 1,1
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường;
- PCB bao gồm: PCB 28, PCB 52, PCB 101, PCB 118, PCB 138, PCB 153, PCB 180.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 09 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc

KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh



TS. Nguyễn Như Hiền